

Bản án số: 10/2018/ HSST  
Ngày 31 tháng 01 năm 2018

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

\* Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Duy Khánh.

\* Hội thẩm N dân:

1- Bà Dư Thị Út

2- Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

\* Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Công Bằng - Thư ký Tòa án N dân thành phố B, tỉnh B.

\* Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố B, tỉnh B tham gia phiên tòa: ông Hồ Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án N dân thành phố B, tỉnh B tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 129/2017/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1/. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở tạm trú: số 202, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Kim S, sinh năm 1957; Có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 và 01 người con sinh năm 2008; Tiền án: không; Tiền sự: ngày 29/3/2016, Công an huyện V, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đóng phạt ngày 21/7/2016; Bị tạm giữ từ ngày 19/3/2017 đến ngày 24/3/2017 bị khởi tố bị can và tạm giam đến nay. (có mặt)

2/. Họ và tên: **Lại Đình Bảo K** (tên gọi khác: Bế), sinh năm: 1971; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: số 220/19A, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Lại Đình K (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1940; Có chồng tên Trần Quy N, sinh năm 1970 và 01 người con sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: không; Ngày 24/7/2017 bị khởi tố bị can và được tại ngoại điều tra đến nay. (có mặt)

\* Người bào chữa cho bị cáo Lại Đình Bảo K: Bà Tạ Nguyệt T – Luật sư của Công ty luật hợp danh Tạ Nguyệt T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. (có mặt)

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982; trú tại: số 13/174, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Văn T và Lại Đình Bảo K bị Viện kiểm sát N dân thành phố B, tỉnh B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 18/3/2017, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố B kết hợp với Công an Phường B, thành phố B tiến hành kiểm tra hành chính nhà số 202, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B phát hiện các đối tượng Nguyễn Văn T, Vu T Thái, Lại Đình Bảo K, Trần Bích N, Nguyễn Hạnh T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Yên Q và Trần Thị Phương N có biểu hiện nghi vấn vi phạm pháp luật.

- Kiểm tra phòng khách tầng trệt có Nguyễn Văn T, Vu T Thái, Lại Đình Bảo K, Trần Bích N, Nguyễn Hạnh T và tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 5, màu trắng của Trần Bích N; tiền Việt Nam 9.558.000 đồng của Nguyễn Văn T thu tại thùng gạo nhà sau.

- Kiểm tra phòng ngủ lầu 1 tạm giữ: 17 bao cao su hiệu Auxinni, màu đỏ chưa qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Wing, màu trắng của Nguyễn Văn T; 04 tờ giấy tập học sinh, có ghi hệ thống các con số, có chữ ký xác nhận của Nguyễn Văn T; 05 bao cao su đã qua sử dụng, để trong nhà vệ sinh.

- Kiểm tra phòng ngủ thứ nhất lầu 2 có Trần Thị Phương N và tạm giữ: 02 bao cao su hiệu Happy, màu xanh và 01 bao cao su hiệu Auxinni, màu đỏ chưa qua sử dụng; 02 bao cao su đã qua sử dụng, để trong nhà vệ sinh.

- Kiểm tra phòng ngủ thứ hai lầu 2 có Nguyễn Thị Yên Q, Nguyễn Văn L và tạm giữ: 02 bao cao su hiệu Auxinni, màu đỏ chưa qua sử dụng; 05 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng.

- Kiểm tra trên người các đối tượng tạm giữ của:

- + Nguyễn Văn L: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại cảm ứng, màu trắng – đen và tiền Việt Nam 2.300.000 đồng;

- + Vu T Thái: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím và tiền Việt Nam 130.000 đồng;

- + Nguyễn Thị Yên Q: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, loại A3, màu hồng, có ốp da màu đỏ;

- + Lại Đình Bảo K: tiền Việt Nam 1.435.000 đồng;

- + Trần Thị Phương N: 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng;

- + Trần Bích N: tiền Việt Nam 130.000 đồng;

- + Nguyễn Hạnh T: 01 điện thoại di động hiệu Qmobile, loại LUNA, màu trắng, bị bể mặt sau.

- Kiểm tra trước sân nhà và nhà sau tạm giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 94F6 – 41...; 01 xe mô tô biển kiểm soát 94K1 – 286..., bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 52S2 – 20...; 01 xe mô tô biển kiểm soát 53V2 – 59....

- Đến ngày 19/3/2017 tiếp tục kiểm tra thu giữ của Nguyễn Thị Yên Q tiền Việt Nam 1.822.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định như sau:

Do không có nghề nghiệp, lại muốn có tiền tiêu xài, bị cáo T nảy sinh ý định chứa mại dâm để thu lợi bất chính nên cho các đối tượng mua bán dâm tại nơi ở của mình là nhà thuê số 202, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh B hoặc tại các nhà nghỉ, khách sạn trên địa bàn thành phố B. T liên hệ và thỏa thuận với các gái bán dâm đến ở tại các phòng ngủ trên tầng 2 và được bao ăn uống không lấy tiền, nhưng mỗi lần bán dâm cho khách mua dâm được 200.000 đồng, bị cáo T sẽ lấy 100.000 đồng, gái bán dâm sẽ được

100.000 đồng. Đối với khách mua dâm là người quen thì đến gặp trực tiếp hoặc gọi vào số điện thoại 01272522929 của T để thỏa thuận việc mua bán dâm, còn đối với khách lạ thì phải có người quen giới thiệu và đến gặp trực tiếp bị cáo T để thỏa thuận. Nếu khách chọn mua dâm tại nhà thì T sẽ đưa khách lên một trong các phòng ngủ tại nơi ở của mình để thực hiện việc mua bán dâm, nếu khách mua dâm chọn nhà nghỉ thì T sử dụng xe mô tô biển số 53V2 – 59... chở gái bán dâm đến các nhà nghỉ đã hẹn như nhà nghỉ Kim Chi, La Gia Hân II, Bình An... thuộc địa bàn thành phố B để thực hiện việc mua bán dâm, khách mua dâm sẽ trả tiền phòng. Khi mua bán dâm xong, khách có thể trả tiền trực tiếp cho T hoặc cho gái bán dâm, sau đó T và gái bán dâm sẽ chia nhau theo thỏa thuận.

Trong thời gian chứa mại dâm, đến ngày 18/3/2017, Nguyễn Thị Yến Q đã đến nơi ở của bị cáo T để bán dâm nhiều lần cho khách mua dâm. Trong ngày 18/3/2017, bị cáo T đã tổ chức cho Q bán dâm 04 lần tại nơi ở của T và 01 lần tại nhà nghỉ La Gia Hân II, thuộc Phường 1, thành phố B, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: khoảng 14 giờ ngày 18/3/2017, một nam T niên (không rõ N thân) đến gặp T để thỏa thuận mua dâm, T dẫn người này lên phòng ngủ ở tầng 2 gặp Q đang ngồi sẵn trong phòng. Sau đó, người T niên và Q mua bán dâm với nhau. Mua dâm xong, người T niên đi xuống phòng khách trả cho T 200.000 đồng và ra về, T chia cho Q 100.000 đồng.

- Lần thứ hai: khoảng 17 giờ cùng ngày, một nam T niên (không rõ N thân) đến gặp T để thỏa thuận mua dâm, T dẫn người này lên phòng ngủ ở tầng 1 và kêu Q xuống bán dâm cho người này. Mua dâm xong, người này trả 200.000 đồng cho T rồi ra về, T chia cho Q 100.000 đồng.

- Lần thứ ba: khoảng 18 giờ cùng ngày, một nam T niên (không rõ N thân) đến gặp T để thỏa thuận mua dâm, T dẫn người này lên phòng ngủ ở tầng 2 thì thấy Q và Trần Thị Phương N (con gái của Q) đang ngồi ở trong nên T kêu N đi ra ngoài để Q bán dâm cho người này. Mua dâm xong, người này trả 200.000 đồng, T chia cho Q 100.000 đồng.

- Lần thứ tư: khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/3/2017, một nam T niên (không rõ N thân) đến gặp T để thỏa thuận mua dâm, sau khi thỏa thuận xong T dẫn người này lên phòng ngủ ở tầng 2 để mua dâm với Q, nhưng người này không đồng ý mà yêu cầu đến nhà nghỉ La Gia Hân II, thuộc Khóm 7, Phường 1, thành phố B để mua bán dâm nên T điều khiển xe mô tô biển số 53V2 – 59... chở Q đến nhà nghỉ La Gia Hân II. Tại đây, người T niên tự thuê phòng để mua dâm với Q. Sau khi bán dâm xong, Q lấy 200.000 đồng từ khách và dùng điện thoại gắn sim số 0917874861 điện kêu T đến chờ về.

- Lần thứ năm: khoảng 19 giờ cùng ngày, Trần Bích N là bạn của vợ chồng T đến thăm Nguyễn Hạnh T (là con riêng của vợ T), đến khoảng 15 phút sau, bị cáo Lại Đình Bảo K đến gặp bị cáo T để lấy tiền, tất cả ngồi nói chuyện với nhau ở phòng khách. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T mượn xe mô tô biển số 94K1 – 286... của K đi ra ngoài, trước khi đi T nói với K: “Giữ nhà dùm, nếu có khách thì dẫn lên lầu”, bị cáo K không trả lời mà hiểu là nếu có khách đến mua dâm thì dẫn lên lầu để khách thực hiện việc mua bán dâm với gái bán dâm, do K biết T đang chứa mại dâm. Khi T đi ra đến cổng thì gặp Nguyễn Văn L và Vu T Thái đến, mặc dù không trao đổi gì nhưng T biết L và Thái đến để mua dâm, vì cả hai là khách quen đã từng đến chỗ ở của T để mua dâm nên T chỉ nhìn L gật đầu rồi điều khiển xe chạy đi, còn L và Thái vào nhà. Lúc này, K thấy Liên và Thái đi vào và biết là khách đến để mua dâm nên dẫn L và Thái lên tầng 2 và đưa L vào phòng bên trong có Q ngồi sẵn để thực hiện việc mua bán dâm, rồi tiếp tục dẫn Thái đến phòng có N đã ở trong phòng, nhưng N nói “không có bao cao su” nên K quay trở lại phòng của Q kêu đưa bao cao su, rồi lấy đem qua cho N. K thấy đây là phòng ngủ của T nên dẫn

Thái và N xuống phòng ngủ ở lầu 1 để mua bán dâm. Khi N và Thái vào phòng mua bán dâm với nhau thì K bỏ xuống phòng khách ngồi nói chuyện với N và T. Sau khi mua bán dâm xong, N quay lại phòng ngủ của T ở tầng 2, còn Thái đi xuống phòng khách ngồi đợi L. Lúc này, T về đến nhà và đang nói chuyện với Thái thì lực lượng Công an vào kiểm tra, bị cáo T liền la lên thì L và Q đang quan hệ tình dục nghe được nên L vứt bỏ bao cao su đang sử dụng vào sọt rác và mặc quần áo vào, còn Q cầm quần áo chạy vào nhà về sinh.

Đối với 04 (bốn) tờ giấy tập học sinh có ghi hệ thống các con số được đánh số thứ tự 1, 2, 3a, 3b, 3c, 3d và 4 đựng thu giữ trong quá trình kiểm tra, xác định là phôi số đề của Nguyễn Thị Hạnh ghi số đề thắng thua bằng tiền với người khác, gồm số đầu, số đuôi, số lô 2 số, số lô 3 số và số đá, dựa vào kết quả xổ số các đài miền Nam mở thưởng lúc 16 giờ 15 phút hàng ngày, nhưng Hạnh không nhớ ghi vào ngày nào, dựa theo đài nào và ghi cho ai mà chỉ nhớ ghi vào các ngày khác nhau và trước ngày 23/6/2016.

Tại biên bản kiểm tra và cộng phôi, có kết quả như sau: tờ phôi đề số 1 có tổng số tiền ghi số đề là 1.490.000 đồng; tờ phôi đề số 2 có tổng số tiền ghi số đề là 885.000 đồng; tờ phôi đề số 3a có tổng số tiền ghi số đề là 4.045.000 đồng; tờ phôi đề số 3b có tổng số tiền ghi số đề là 1.514.000 đồng; tờ phôi đề số 3c có tổng số tiền ghi số đề là 1.555.000 đồng; tờ phôi đề số 3d có tổng số tiền ghi số đề là 3.445.000 đồng; tờ phôi đề số 4 có tổng số tiền ghi số đề là 2.590.000 đồng; do không xác định được ngày ghi số nên không đối chiếu số trúng.

Qua kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Wing, màu trắng – đen, có số IMEI 1: 91132252582306, số IMEI 2: 911312252582314, không lắp sim của Nguyễn Văn T phát hiện tại hộp thư tin nhắn đã gửi có lưu một tin nhắn đặt số đề gửi đến số 0914188232 của Trần Bích N vào ngày 16/3/2017. Qua điều tra xác định ngày 16/3/2017, T nhắn tin nhờ Trần Bích N đặt số đề thắng thua bằng tiền gồm: số 63 đặt đầu 50.000 đồng, đặt đuôi 50.000 đồng, đặt lô 10.000 đồng; số 89 đặt đầu 50.000 đồng, đặt đuôi 50.000 đồng, đặt lô 10.000 đồng. Tổng số tiền đặt đề là 500.000 đồng, dựa theo kết quả xổ số kiến thiết đài An Giang mở thưởng vào 16 giờ 15 phút ngày 16/3/2017, qua đối chiếu kết quả xổ số thì không có số trúng. Sau khi nhận tin nhắn, N đã gặp người bán vé số dạo (không rõ N thân) đặt những con số này. Tuy nhiên, N chỉ đặt dùm T chứ không được hưởng lợi gì. Đối với điện thoại N dùng để nhận ghi số đề của T đã bị hư hỏng không còn sử dụng được nên N đã vứt bỏ.

Trong giai đoạn điều tra bị cáo T và bị cáo K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 117/QĐ-KSĐT ngày 09/11/2017, Viện kiểm sát N dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lại Đình Bảo K về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/. Áp dụng khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Chứa mại dâm”.

2/. Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa

đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lại Đình Bảo K từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”.

3/. Về vật chứng của vụ án:

+ Tịch thu và tiêu hủy 22 bao cao su chưa qua sử dụng, 09 bao cao su đã qua sử dụng, 05 vỏ bao cao su chưa qua sử dụng.

+ Tịch thu, nộp N sách Nhà nước 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Wing của bị cáo T, trả cho bị cáo T 8.558.000 đồng.

+ Trả cho bị cáo K 1.435.000 đồng.

+ Tịch thu, nộp N sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung A3 và số tiền 1.822.000 đồng của chị Nguyễn Thị Yến Q.

+ Tịch thu, nộp N sách Nhà nước số tiền 130.000 đồng của anh Vưu T Thái.

+ Tịch thu, nộp N sách Nhà nước 300.000 đồng của anh Nguyễn Văn L, trả cho anh L số tiền 2.000.000 đồng.

- Bị cáo T và bị cáo K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Lại Đình Bảo K đề nghị: trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lại Đình Bảo K đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, xét về hành vi phạm tội của bị cáo như Viện kiểm sát truy tố là đúng. Tuy nhiên, khi lượng hình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất, mức độ hành vi của bị cáo: việc bị cáo K chỉ biết bị cáo T chứa mại dâm thì không cấu thành tội phạm này; bị cáo K không hề có ý thức vụ lợi, khi T nhờ thì bị cáo chỉ dẫn khách lên lầu dùm mà không ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; do bị cáo K có hai tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất dưới khung hình phạt. Đồng thời, xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như phân tích ở trên thì chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo K theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp.

Căn cứ vào các chứng và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

## XÉT THẤY

Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn T và Lại Đình Bảo K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với biên bản kiểm tra nơi ở nghi vấn ngày 18/3/2017 và phù hợp với lời khai của người trực tiếp mua, bán dâm khi bị bắt quả tang là anh L, anh Thái, chị Q, chị N về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện tội phạm; đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vì động cơ vụ lợi cá nhân nên vào ngày 18/3/2017, tại Phường 1, thành phố B, tỉnh B, bị cáo Nguyễn Văn T đã 05 lần dùng nơi ở của mình cho Nguyễn Thị Yến Q và Trần Thị Phương N bán dâm cho nhiều người để thu lợi bất chính 500.000 đồng; việc T hoạt động chứa mại dâm thì bị cáo Lại Đình Bảo K biết rõ từ trước, tuy không

được hưởng lợi nhưng K đã 01 lần trực tiếp dẫn Nguyễn Văn L và Vu Thành Thái mua dâm Nguyễn Thị Yến Q và Trần Thị Phương N thì bị bắt quả tang.

Xét thấy, bị cáo T thực hiện hành vi vì mục đích vụ lợi; tuy không được hưởng lợi nhưng bị cáo K đã 01 lần trực tiếp dẫn Nguyễn Văn L và Vu Thành Thái mua dâm Nguyễn Thị Yến Q và Trần Thị Phương N; trước, trong và sau khi thực hiện hành vi, bị cáo T và bị cáo K có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên hành vi nêu trên của các bị cáo T và K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Trong ngày 18/3/2017 bị cáo T đã 05 lần dùng nơi ở của mình tại số 202, Khóm 10, Phường 1, thành phố B để cho Nguyễn Thị Yến Q và Trần Thị Phương N bán dâm cho nhiều người vào các khoảng thời gian khác nhau. Áp dụng điểm a tiểu mục 4.1 mục 4 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án N dân tối cao hướng dẫn:

“4.1. Chỉ áp dụng tình tiết “Phạm tội nhiều lần” đối với người chứa mại dâm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chứa mại dâm (không phân biệt tại một địa điểm hay tại các địa điểm khác nhau) một đôi hoặc nhiều đôi mua bán dâm khác nhau từ hai lần trở lên trong các khoảng thời gian khác nhau (không phân biệt thời gian dài hay ngắn); .....”,

Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã thỏa mãn tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đối với bị cáo K, tuy không được hưởng lợi nhưng do biết trước T có chứa mại dâm, bị cáo K đã 01 lần trực tiếp dẫn Nguyễn Văn L và Vu Thành Thái mua dâm Nguyễn Thị Yến Q và Trần Thị Phương N nên hành vi của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội Chứa mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi của bị cáo T và bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ gây ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục của dân tộc mà còn làm lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe giống nòi, là nguyên N làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đã thực hiện nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho các bị cáo là phù hợp. Riêng bị cáo T có người thân có công với cách mạng, cụ thể có ông nội là Liệt sĩ và có cha là thương binh nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho các bị cáo.

Đối với tội chứa mại dâm quy định tại Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đang có hiệu lực thi hành thì tại khoản 1 và khoản 2 quy định mức hình phạt nhẹ hơn so với khoản 1 và khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên khi lượng hình, Hội đồng sẽ áp dụng Điều luật mới quy định hình phạt nhẹ hơn theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về vật chứng:

+ Đối với 22 bao cao su chưa qua sử dụng, 09 bao cao su đã qua sử dụng, 05 vỏ bao cao su chưa qua sử dụng do T mua về cho khách mua dâm sử dụng là có liên quan đến vụ án, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Wing màu trắng và số tiền 9.558.000 đồng thu giữ của bị cáo T: Tịch thu, nộp N sách Nhà nước 1.000.000 đồng do T thu được của giải bán dâm và 01 điện thoại di động hiệu Wing màu trắng do T dùng liên lạc với bán dâm; trả cho bị cáo T 8.558.000 đồng do đây là tiền cá N của bị cáo, không liên quan đến vụ án.

+ Đối với số tiền 1.435.000 đồng thu giữ của bị cáo K cần trả lại toàn bộ cho bị cáo do đây là tiền cá N của bị cáo, không liên quan đến vụ án.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A3 màu hồng có ốp da màu đỏ và số tiền 1.822.000 đồng thu giữ của chị Nguyễn Thị Yến Q, trong đó điện thoại chị Q dùng liên hệ với bị cáo T liên quan đến việc mua bán dâm, số tiền 822.000 đồng do bán dâm mà có, số tiền 1.000.000 đồng còn lại là tiền cá N của chị Q nhưng chị không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu, nộp N sách Nhà nước toàn bộ các tài sản trên của chị Q.

+ Đối với số tiền 130.000 đồng thu giữ của anh Vưu T Thái, trong đó có 100.000 đồng sẽ dùng để trả tiền mua dâm, 30.000 đồng là tiền cá N của anh Thái nhưng anh không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu, nộp N sách Nhà nước toàn bộ số tiền trên của anh Thái.

+ Đối với số tiền 2.300.000 đồng thu giữ của anh Nguyễn Văn L, trong đó có 300.000 đồng sẽ dùng để trả tiền mua dâm nên cần tịch thu, nộp N sách Nhà nước, số tiền 2.000.000 đồng còn lại là tiền cá N của anh L, không có liên quan đến vụ án nên trả lại cho anh L.

+ Đối với những đồ vật, tài sản khác đã thu giữ, qua điều tra, xác minh xét thấy không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Văn L và Vưu T Thái có hành vi mua dâm; Nguyễn Thị Yến Q và Trần Thị Phương N có hành vi bán dâm, Công an thành phố B đã ra Quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Văn T và Trần Bích N có hành vi ghi số đề thắng thua bằng tiền, nhưng số tiền đánh bạc không đủ truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời T và N chưa có tiền án về các tội “Đánh bạc và tổ chức đánh bạc” nên Công an thành phố B đã ra Quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Thị Hạnh có hành vi ghi số đề thắng thua bằng tiền với người khác nhưng không biết ghi số đề vào ngày nào, ghi cho ai và dựa trên kết quả xổ số kiến thiết của đài nào nên không đủ căn cứ xử lý hình sự, mà chỉ xử phạt hành chính, nhưng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết nên cơ quan điều tra chỉ giáo dục, nhắc nhở là phù hợp.

- Đối với xe mô tô biển số 53V2-59... và xe mô tô biển số 52S2-20... do chưa xác định được chủ sở hữu nên cơ quan điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp.

- Đối với Trần Bích N và Nguyễn Hạnh T, xét thấy không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Tại phiên toà, đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của Luật sư bào chữa cho bị cáo K, thấy rằng: đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích ở phần trên thì cần có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đủ để giáo dục các bị cáo trở thành người có

ích cho xã hội. Do đó, chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chỉ có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo K.

Về án phí: các bị cáo Nguyễn Văn T và Lại Đình Bảo K mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lại Đình Bảo K (tên gọi khác: Bế) phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

**2. Tuyên phạt:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ 19/3/2017.

- Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lại Đình Bảo K (tên gọi khác: Bế) 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

**3. Về vật chứng:** Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu và tiêu hủy: 22 bao cao su chưa qua sử dụng, 09 bao cao su đã qua sử dụng, 05 vỏ bao cao su chưa qua sử dụng.

- Tịch thu, nộp N sách Nhà nước: số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và 01 điện thoại di động hiệu Wing màu trắng - đen của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A3 màu hồng, có ốp da màu đỏ và số tiền 1.822.000 đồng (một triệu tám trăm hai mươi hai ngàn đồng) của chị Nguyễn Thị Yến Q; số tiền 130.000 đồng (một trăm ba mươi ngàn đồng) của anh Vưu T Thái; số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) của anh Nguyễn Văn L.

- Trả lại cho bị cáo T số tiền 8.558.000 đồng (tám triệu, năm trăm năm mươi tám ngàn đồng).

- Trả lại cho bị cáo K số tiền 1.435.000 đồng (một triệu, bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn L số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Các tài sản, vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/11/2017 (bút lục 362).

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14: buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Lại Đình Bảo K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Nhà tạm giữ Tp. ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B;
- Bị cáo;
- Người có QL và NV liên quan;
- Lưu.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trần Duy Khánh**